# Đất hiếm và chuỗi giá trị đất hiếm toàn cầu

intl.cong-nghiep-nang-luong.dat-hiem.rare-earths

Version 2026.11.01 · Cập nhật 2026-11-01 · Chính sách cập nhật monthly

## ĐIỂM NỔI BẬT

SẢN LƯỢNG KHAI THÁC TOÀN CẦU

390000

tấn REO

2025

SẢN LƯỢNG KHAI THÁC TRUNG Q...

270000

tấn REO

2025

TRỮ LƯỢNG VIỆT NAM

3500000

tấn REO

Ước tính 2025

## DỮ LIỆU

| | |
|---|---|
| Mine production<br>Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: United States | 51000 metric tons REO equivalent |
| Mine production<br>Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Australia | 29000 metric tons REO equivalent |
| Mine production<br>Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Brazil | 2000 metric tons REO equivalent |
| Mine production<br>Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Burma | 22000 metric tons REO equivalent |
| Mine production<br>Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Canada | 0 metric tons REO equivalent |
| Mine production<br>Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: China | 270000 metric tons REO equivalent |
| Mine production<br>Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Greenland | 0 metric tons REO equivalent |
| Mine production<br>Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: India | 2900 metric tons REO equivalent |
| Mine production<br>Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Madagascar | 2700 metric tons REO equivalent |
| Mine production<br>Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Malaysia | 110 metric tons REO equivalent |

| | | |
|---|---|---|
| Mine production | Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Nigeria | 1500 metric tons REO equivalent |
| Mine production | Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Russia | 2600 metric tons REO equivalent |
| Mine production | Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: South Africa | 0 metric tons REO equivalent |
| Mine production | Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Tanzania | 0 metric tons REO equivalent |
| Mine production | Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Thailand | 4800 metric tons REO equivalent |
| Mine production | Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Vietnam | 150 metric tons REO equivalent |
| Mine production | Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Other | 550 metric tons REO equivalent |
| Mine production | Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: World | 390000 metric tons REO equivalent |
| Reserves | Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: United States | 1900000 metric tons REO equivalent |
| Reserves | Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Australia | 6300000 metric tons REO equivalent |
| Reserves | Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Brazil | 21000000 metric tons REO equivalent |
| Reserves | Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Canada | 830000 metric tons REO equivalent |
| Reserves | Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: China | 44000000 metric tons REO equivalent |
| Reserves | Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Greenland | 1500000 metric tons REO equivalent |
| Reserves | Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Malaysia | 710000 metric tons REO equivalent |

| | | |
|---|---|---|
| Reserves<br>Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Russia | 3800000 metric tons REO equivalent |
| Reserves<br>Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: South Africa | 860000 metric tons REO equivalent |
| Reserves<br>Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Tanzania | 890000 metric tons REO equivalent |
| Reserves<br>Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Vietnam | 3500000 metric tons REO equivalent |

## NGUỒN & ĐỘ MỚI

Phiên bản: 2026.11.01
Cập nhật: 2026-11-01
Giấy phép: Không ghi nhận


U.S. Geological Survey — Mineral Commodity Summaries 2026: Rare Earths
https://pubs.usgs.gov/periodicals/mcs2026/mcs2026-rare-earths.pdf

International Energy Agency — Global Critical Minerals Outlook 2025: Executive Summary
https://www.iea.org/reports/global-critical-minerals-outlook-2025/executive-summary

International Energy Agency — Rare Earth Elements: Executive summary
https://www.iea.org/reports/rare-earth-elements/executive-summary

International Energy Agency — Rare Earth Elements: Pathways to secure and diversified supply chains
https://www.iea.org/reports/rare-earth-elements

U.S. Geological Survey — Mineral Commodity Summaries 2026: Rare Earths
https://pubs.usgs.gov/periodicals/mcs2026/mcs2026-rare-earths_ver.1.2.pdf

U.S. Geological Survey — Mineral Commodity Summaries 2026
https://www.usgs.gov/publications/mineral-commodity-summaries-2026

International Energy Agency — New projects, partnerships and policies are needed to address supply chain risks for rare earth elements
https://www.iea.org/news/new-projects-partnerships-and-policies-are-needed-to-address-supply-chain-risks-for-rare-earth-elements

International Energy Agency — Global Critical Minerals Outlook 2026: Executive summary
https://www.iea.org/reports/global-critical-minerals-outlook-2026/executive-summary

U.S. Geological Survey — Mineral Commodity Summaries 2026 Data Release
https://www.usgs.gov/data/mineral-commodity-summaries-2026-data-release

Congressional Research Service — Rare Earth Elements and U.S. Supply Chains
https://www.everycrsreport.com/files/2026-03-04_IF13171_293b4f09964898af4a1178199bf89d4968a0feb1.html